TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HS-PT
Ngày: 20-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Nguyễn L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Phạm Nguyễn L (L Bọ), sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 24B đường Đ , Khu phố 2, Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Phương Th; tiền án: có 03 tiền án. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 61/HSPT ngày 25/7/2002 bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 06 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản" và tổng hợp hình phạt 03 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản" của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/HSST ngày 10/4/2002 của Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B) buộc chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 06 năm 06 tháng tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2007, nhưng chưa thi hành xong phần án phí). Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 210/2012/HSPT ngày 19/4/2012 bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý" (chấp hành xong Bản án ngày 15/7/2018). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HSST ngày 28/02/2020 bị Toà án nhân dân thành phố B , tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2022); tiền sự:

không; nhân thân: Năm 1993 bị đưa đi cưỡng bức lao động 06 tháng về hành vi *trộm cắp tài sản của công dân*. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/HSST ngày 29/11/1995 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội *trộm cắp tài sản của công dân* (chấp hành xong Bản án năm 1996). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/HSST ngày 29/4/1997 bị Toà án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù về tội *trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa* và 12 tháng tù về tội *trộm cắp tài sản của công dân* (chấp hành xong Bản án năm 1999). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/HSST ngày 21/6/1999 bị Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 30 tháng tù về tội *trộm cắp tài sản của công dân* (chấp hành xong Bản án ngày 30/4/2001). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 14/QĐ-XPHC ngày 18/3/2019 bị Trưởng Công an Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma tuý* (chưa nộp phạt). Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 29/QĐ-XPHC ngày 18/6/2019 bị Trưởng Công an Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma tuý* (chưa nộp phạt). Tại Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường số: 13/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng về hành vi *sử dụng trái phép chất ma tuý* (chấp hành xong ngày 26/10/2019); bị bắt tạm giữ từ ngày 12/11/2022 đến ngày 15/11/2022 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 10/11/2022, Phạm Nguyễn L đi bộ vào Bệnh viện N tọa lạc tại Khu phố 2, Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến phòng Thang máy vận chuyển đồ dơ, Khoa Chẩn đoán hình ảnh ở tầng 2, L phát hiện cửa phòng không khóa nên đột nhập vào trong lấy của chị Huỳnh Thị M (sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 201D, khu phố B , Phường x, thành phố B , tỉnh Bến Tre) là nhân viên quét dọn của Bệnh viện tài sản gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh đang sạc pin bằng cục sạc dự phòng màu vàng đồng, hiệu AVA (được để trong chiếc nón lá), tiền Việt Nam 1.500.000 đồng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng dài 48cm, loại khoen dẹp, khối lượng 5,5420 gam, 01 vòng đeo tay bằng vàng, đường kính 4,5cm, loại trơn, 01 đôi bông tai bằng vàng, kích thước 1,5cm x 1,5cm, có đính hột màu trắng, khối lượng 2,3326 gam và một số giấy tờ cá nhân của chị M (trong chiếc áo khoác của chị M để trong nón lá). Sau khi lấy trộm được các tài sản của chị Chị M , số tiền trộm được L tiêu xài cá nhân chỉ còn lại 500.000 đồng; dây chuyền vàng, đôi bông tai vàng và vòng đeo tay vàng thì L đem về cất giấu tại nhà của L . Riêng chiếc điện thoại di động của chị M , L cất giữ trong người, còn cục sạc dự phòng thì L cất giấu tại nhà của Đặng Quốc N (ở Số 197D, khu phố B

, Phường X, thành phố B , tỉnh Bến Tre). Sau khi phát hiện bị mất trộm, chị M và anh Phạm Ngọc Th (chồng chị Chị M) xem lại đoạn camera khu vực bị mất trộm thì phát hiện L đi lên tầng 2 nên đi tìm L để hỏi (do trước đó anh Th và L có quen biết nhau) thì L không thừa nhận lấy trộm mà nói nhặt được các giấy tờ cá nhân của chị M ở trước cổng Bệnh viện và trả cho chị Chị M . Do nghi ngờ L lấy trộm các tài sản nên anh Th đến nhà N tìm L thì không gặp L mà phát hiện cục sạc dự phòng L cất giấu tại nhà của N và khẳng định L là người lấy trộm nên điện thoại cho L hỏi chuộc lại chiếc điện thoại di động. Đến khoảng 14 giờ ngày 12/11/2022, L điện thoại cho anh Th và đề nghị cho chuộc lại giá 2.000.000 đồng thì anh Th đồng ý và hẹn gặp tại hẻm Thầy Liền thuộc khu phố B , Phường 6, thành phố B để giao tiền và nhận điện thoại. Khi đến nơi hẹn, L đưa điện thoại di động Samsung Galaxy A32, màu xanh cho anh Th , anh Th đưa L 1.000.000 đồng rồi đồng thời cùng với anh Nguyễn Văn Ph và anh Huỳnh Minh Đ giữ L lại giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B . Qua làm việc, L đã thừa nhận có hành vi trộm cắp tài sản của chị M như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- Thu của Phạm Nguyễn L : Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số IMEI: 354138634386924, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S, màu xanh, số IMEI: 351864450667054, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ màu vàng có chữ "Dior"; 01 áo thun màu xanh - vàng; 01 nón kết màu đen, bên trong có chữ "NON.VIP".

- Thu của Phạm Ngọc Th : 01 cục sạc pin dự phòng màu vàng đồng hiệu AVA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số IMEI 355870166/411353/4.

- Thu của Huỳnh Thị Chị M : 01 căn cước công dân mang tên Huỳnh Thị Chị M ; 01 thẻ ngân hàng ACB mang tên Huỳnh Thị Chị M ; 01 thẻ nhân viên mang tên Huỳnh Thị Chị M .

- Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Phạm Nguyễn L ở Số 24B, Khu phố 2, Phường x , thành phố B , lực lượng Công an tiếp tục thu giữ: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 45cm, loại khoen mắc xích, bị đứt (sau khi thu giữ được niêm phong, ký hiệu M1); 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, đường kính 4,5cm, loại trơn (sau khi thu giữ được niêm phong, ký hiệu M2) của chị M ; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, kích thước 48cm, loại khoen dẹp (sau khi thu giữ được niêm phong, ký hiệu M3) của chị M ; 01 nhẫn kim loại màu vàng, đường kính 02cm, có cẩn hột màu trắng (sau khi thu giữ được niêm phong, ký hiệu M4); 01 đôi bông tai (hai chiếc) bằng kim loại màu vàng, kích thước 1,5cm x 1,5cm (sau khi thu giữ được niêm phong, ký hiệu M5) của chị M.

* Theo Kết luận giám định số: 1037/KL-KTHS ngày 09/02/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 2,1512 gam (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Đồng (Cu), Bạc (Ag), Kẽm (Zn). Hàm lượng Vàng (Au): 15,25%, Đồng (Cu): 29,74%, Bạc (Ag): 6,98%, Kẽm (Zn): 48,04%.

- Gói 2 bao gồm: 01 vòng kim loại màu vàng, khối lượng 2,2849 gam (ký

hiệu M2) được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Đồng (Cu), Bạc (Ag), Kẽm (Zn). Hàm lượng Vàng (Au): 57,20%, Đồng (Cu): 18,25%, Bạc (Ag): 23,59%, Kẽm (Zn): 0,97%; 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng: 5,5420 gam (ký hiệu M3) được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Đồng (Cu), Bạc (Ag). Hàm lượng Vàng (Au): 63,09%, Đồng (Cu): 17,20%, Bạc (Ag) 19,63%; 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính hột màu trắng, tổng khối lượng (bao gồm cả hột), khối lượng: 1,5575 gam (ký hiệu M4) được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Đồng (Cu), Bạc (Ag), Kẽm (Zn). Hàm lượng Vàng (Au): 26,59%, Đồng (Cu): 25,29%, Bạc (Ag): 24,48%, Kẽm (Zn): 23,64%.

- Gói 3: 01 đôi bông tai kim loại màu vàng có đính hột màu trắng, tổng khối lượng 2,3326 gam (ký hiệu M5) được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại là Vàng (Au), Đồng (Cu), Bạc (Ag), Kẽm (Zn). Hàm lượng Vàng (Au): 56,83%, Đồng (Cu): 12,76%, Bạc (Ag): 29,22%, Kẽm (Zn): 1,20%.

* Theo các Kết luận định giá tài sản số: 744/KL-HĐĐG ngày 15/11/2022 và số: 73/KL-HĐĐG ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá thành phố B kết luận:

- 01 cục sạc pin dự phòng màu vàng đồng hiệu AVA, trị giá vào ngày 10/11/2022 là 90.000 đồng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số IMEI 355870166/411353/4, trị giá vào ngày 10/11/2022 là 2.800.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền dài 48cm, loại khoen dẹp, khối lượng 5,5420 gam, có tỷ lệ: Au 63,09%, Ag 19,63%, Cu 17,20%. Trị giá ngày 10/11/2022, giá mua: 5.598.692 đồng, giá bán: 5.894.692 đồng;

- 01 vòng đeo tay đường kính 4,5cm, loại trơn, khối lượng 2,2849 gam, có tỷ lệ: Au 57,20%, Ag 23,59%, Cu 18,25%. Trị giá ngày 10/11/2022, giá mua: 1.768.634 đồng, giá bán: 1.890.634 đồng;

- 01 đôi bông tai (hai chiếc), kích thước 1,5cm x 1,5cm, có đính hột màu trắng, khối lượng 2,3326 gam, có tỷ lệ: Au 56,83%, Ag 29,22%, Cu 12,76%. Trị giá ngày 10/11/2022, giá mua: 1.797.628 đồng, giá bán: 1.921.628 đồng.

Quá trình điều tra, Phạm Nguyễn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám xét, thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác đã thu thập được. Nhưng đến khi kết thúc điều tra Phạm Nguyễn L không thừa nhận hành vi phạm tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho anh Phạm Ngọc Th tiền Việt Nam 1.000.000 đồng; trả cho Phạm Nguyễn L 01 đồng hồ, 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 nhẫn kim loại màu vàng; trả cho bị hại M tiền Việt Nam 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, 01 cục sạc dự phòng, 01 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay, 01 đôi bông tai, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng ACB và 01 thẻ nhân viên mang tên Huỳnh Thị M. Bị hại M yêu cầu Phạm Nguyễn L bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, Phạm Nguyễn L đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 27-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn L phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn L 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2022;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 03/4/2023, bị cáo Phạm Nguyễn L kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan, bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận: Ngày 10/11/2012, bị cáo vô Bệnh viện N đến khu cấp cứu ở tầng 2, bị cáo vô nhà vệ sinh thấy chai nước lấy uống, bị cáo thấy có thùng rác ló dây điện thoại ra, bị cáo nhặt bọc ni long màu vàng trong thùng rác lên thấy có đựng điện thoại, cục sạc và mấy tờ giấy nên bị cáo lấy mang về nhà kiểm tra thấy giấy tờ, điện thoại, cục sạc điện thoại, tiền, vàng, bị cáo dự định đi trả thì có Th điện thoại hỏi bị cáo có điện thoại bán không, bị cáo nói có bán 8.000.000 đồng mua không, thì Th giật điện thoại bị cáo chạy, bị cáo rượt theo không kịp, sau đó bị cáo ngồi chờ thì Th trở lại nói bị cáo bán điện thoại này 1.000.000 đồng không, bị cáo không đồng ý và giật điện thoại lại, sau đó bị cáo bỏ đi về. Buổi chiều Th đến nhà N kêu bị cáo bán điện thoại 1.000.000 đồng, bị cáo không bán, sau đó bị cáo thấy giấy tờ ghi địa chỉ của người bị mất nên điện thoại tìm đến nhà chị M kêu chị M đến 18 giờ ngày 10/11/2022 đến nhà N cho lại giấy tờ, bị cáo trả lại giấy tờ cho chị M và chị M cho bị cáo 100.000 đồng. Chị M kể cho bị cáo việc bị mất tài sản, chị M nói cần tìm điện thoại, bị cáo nói điện thoại hư rồi đã đem đi sửa, hôm sau khi sửa điện thoại thì bị cáo điện thoại cho Th nói cho chuộc lại điện thoại giá 1.000.000 đồng, hẹn gặp ở nhà anh Th và khi bị cáo đi đến giữa đường thì gặp anh Th , bị cáo đưa điện thoại cho anh Th và hỏi anh Th chơi đá gà ăn thua, Th nói thua thì bị cáo nói không lấy 1.000.000 đồng tiền chuộc điện thoại, thì Th cùng nhiều người bắt bị cáo giao cho Công an. Bị cáo chỉ nhặt được tài sản gồm điện thoại di động, cục pin sạc điện thoại, số tiền 1.500.000 đồng, dây chuyền vàng, đôi bông tai bằng vàng, chiếc vòng đeo tay bằng vàng và giấy tờ tùy thân, bị cáo dự tính trả lại cho người bị mất nhưng chưa kịp trả thì bị bắt, bị cáo không có trộm cắp tài sản, bị cáo bị oan.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo là đúng quy định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn L phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp, kháng cáo kêu oan của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn L 03 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản". Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo bị Điều tra viên đánh đập nên trong quá trình điều

tra bị cáo mới có lời khai nhận tội.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo bị oan, xin Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Vào khoảng 06 giờ ngày 10/11/2022, tại phòng Thang máy vận chuyển đồ dơ - Khoa chẩn đoán hình ảnh bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tọa lạc tại Khu phố 2, Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre, bị cáo Phạm Nguyễn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh trị giá 2.800.000 đồng; 01 cục sạc pin dự phòng trị giá 90.000 đồng; 01 sợi dây chuyền trị giá 5.598.692 đồng; 01 vòng đeo tay trị giá 1.768.634 đồng; 01 đôi bông tai (02 chiếc) trị giá 1.797.628 đồng, tiền Việt Nam 1.500.000 đồng và 01 số giấy tờ cá nhân của chị Chị M . Tổng giá trị tài sản bị cáo Phạm Nguyễn L chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị M là: 13.554.954 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã có 03 tiền án về các tội "Tội trộm cắp tài sản" và "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích, nhưng vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá là 13.554.954 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, giá trị tài sản chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn L phạm "Tội trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "*Tái phạm nguy hiểm*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Phạm Nguyễn L , thấy rằng:

Mặc dù bị cáo cho rằng chỉ nhặt được tài sản, không trộm cắp tài sản, bị cáo bị oan. Tuy nhiên, xét thấy việc bị cáo không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là không có cơ sở; bởi lẽ: Bị cáo không có nhu cầu khám, chữa bệnh, thăm bệnh nhưng lại vào bệnh viện vào lúc 06 giờ sáng; bị cáo cho rằng khi đi vệ sinh rửa mặt thì nhặt được tài sản trong thùng rác tại phòng Thang máy vận chuyển đồ dơ

của Khoa chẩn đoán hình ảnh ở tầng 2 - Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tuy nhiên theo bản ảnh hiện trường và bản ảnh thực nghiệm điều tra thể hiện thì tại phòng Thang máy vận chuyển đồ dơ không có thùng rác; bị cáo cho rằng định tìm người bị mất tài sản để trả lại tài sản đã nhặt được, nhưng khi bị cáo tự nguyện trả lại cho bị hại là chị Huỳnh Thị M 01 căn cước công dân, 01 thẻ Ngân hàng ACB, 01 thẻ nhân viên và được chị M cho lại bị cáo số tiền 100.000 đồng thì lúc đó bị cáo đã biết chị M là người bị mất tài sản nhưng bị cáo vẫn không trả lại tài sản cho chị Chị M , sau đó bị cáo lại thỏa thuận và hẹn gặp anh Phạm Ngọc Th là chồng chị M để cho chuộc lại điện thoại di động của chị M bị mất với số tiền 2.000.000 đồng thì bị anh Th bắt giữ bị cáo giao cho Công an, số tài sản còn lại bị cáo đem về căn nhà riêng ở Số 24B, Khu phố 1, Phường x , thành phố B , tỉnh Bến Tre để cất giấu nhiều nơi trong nhà và sau đó bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 vòng đeo tay, riêng số tiền 1.500.000 đồng bị cáo đã tiêu xài hết 1.000.000 đồng. Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định bị cáo vào bệnh viện là nhằm mục đích trộm cắp tài sản; lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra ban đầu thừa nhận vào khoảng 06 giờ ngày 10/11/2022, bị cáo đi bộ từ nhà vào Bệnh viện N, khi đến phòng sinh hoạt chung của Khoa chẩn đoán hình ảnh, bị cáo nhìn vào phòng thấy có 01 điện thoại di động để trên cái nón lá, quan sát xung quanh không thấy ai nên bị cáo đi vào phòng lấy trộm điện thoại di động, bị cáo tiếp tục lục cái áo khoác thì phát hiện số tiền 1.500.000 đồng, 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 vòng đeo tay, bị cáo lấy tất cả tài sản này bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát; lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, bản ảnh hiện trường, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản khám xét và lời trình bày của bị cáo trong biên bản khám xét ngày 12/11/2022, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo cho rằng trong giai đoạn điều tra bị Điều tra viên đánh đập nên bị cáo mới khai nhận tội, chứ bị cáo bị oan. Xét thấy; việc bị cáo cho rằng bị Điều tra viên đánh đập là không có căn cứ, việc bị cáo kêu oan là nhằm chối tội, không có cơ sở chấp nhận, mà có căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị M với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.554.954 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy bị cáo có nhân thân không tốt; đã có 03 tiền án, trong đó có 02 tiền án về "Tội trộm cắp tài sản" và 01 tiền án về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích; về nhân thân, bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy, đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản, trong các lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản trước đây thì bị cáo có 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Bệnh viện N - tỉnh Bến Tre, lần phạm tội này bị cáo cũng trộm cắp tài sản tại Bệnh viện N. Do bị cáo có 03 tiền án nên lần phạm tội này có tình tiết định khung là "Tái phạm

nguy hiểm", điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, coi thường pháp luật. Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng cũng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 03 năm tù. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để xác định bị cáo bị oan nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Nguyễn L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn L phạm "Tội trộm cắp tài sản";

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn L 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2022.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phạm Nguyễn L phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- VKSND thành phố B (1b);
- Công an tp Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- UBND Phường x , thànnh phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Văn Thông